

Bản án số: 670/2017/HS-PT

Ngày 27- 12- 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Sáng

Ông Nguyễn Hữu Ba

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 234/2017/TLPT-HS ngày 17 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo Ngô Văn T và các bị cáo khác do có kháng cáo của bị cáo Ngô Văn T và các bị cáo khác và kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với bản án hình sự sơ thẩm số 125/2017/HSST ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1. NGÔ VĂN T, giới tính: Nam; sinh ngày 01/10/1963, tại Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: A tổ B, khu phố C, phường D, Quận E, TP. Hồ Chí Minh; Chỗ ở: G đường H, phường I, quận K, TP. Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông: Ngô Văn Q và bà: Ngô Thị H ; vợ: Lý Thị T, có 03 con (lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2003); tiền sự: Không; tiền án: ngày 09/7/2015 bị Tòa án nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Buôn bán hàng giả”; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/6/2014 – có mặt.

2. TRẦN THỊ NGỌC T (T Thỏ), giới tính: nữ; sinh ngày 30/4/1975, tại Khánh Hoà; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: L đường M, phường N, Quận O, TP. Hồ Chí Minh; Chỗ ở: P đường R, Phường K, Quận D, TP. Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Trần Văn T và bà: Lê Thị A; Chồng: Nguyễn Văn T, có 02 con (con lớn sinh

1998, con nhỏ sinh 2003); Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 22/4/2003, bị Toà án nhân dân TP. Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (đến tháng 12/2013 bị cáo mới chấp hành xong phần tiền phạt) ; Bị tạm giữ, giam từ ngày 04/8/2014 – có mặt.

3. NGUYỄN ĐẮC H (Đắc H), giới tính: Nam, Sinh ngày 22/7/1970, tại Thái Bình ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: C đường M, phường T, Quận O, TP. Hồ Chí Minh; Chỗ ở: I đường G, Phường R, quận H, TP. Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: không; Con ông: Nguyễn Đắc X và bà: Nguyễn Thị T (chết); Vợ: Nguyễn Thị Ngọc H, có 02 con (lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2013); Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Nhân thân: năm 1993, 2001, 2007 xử phạt về các tội “Cướp giật và trộm cắp tài sản”; Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/4/2015 – có mặt.

4. ĐẶNG KIM Q (Q), giới tính: Nam, Sinh ngày 23/02/1971, tại TP. Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: M đường N, Phường K, quận C, TP. Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Đặng T (chết) và bà: Đặng Tô H (chết); Vợ: Lưu Thị Mỹ C (đã ly hôn), có 02 con (sinh năm 1998 nhỏ sinh năm 2007); Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Nhân thân: năm 1999 và 2001 bị Tòa án TP. Hồ Chí Minh xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản” Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/4/2015 – có mặt.

5. VŨ TRỌNG H, giới tính: Nam, sinh năm 1974, tại TP. Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: D đường U, phường K, Quận O, TP. Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Q đường N, phường T, Quận O, TP. Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Vũ Trọng H (chết) và bà: Nguyễn Thị Đ; Vợ: Lê Thiên K, có 02 con (lớn sinh năm 2002 nhỏ sinh 2007); Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/8/2014 – có mặt.

6. LÊ THỊ THU T, giới tính: Nữ, sinh ngày 22/4/1973, tại TP. Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: G lô P chung cư B, Phường Y, Quận I, TP. Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Lê Quang M (chết) và bà: Nguyễn Thị H (chết); Chồng: Nguyễn Chí H (đã ly hôn), có 02 con (lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 2005) ; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 09/6/2009, bị Toà án nhân dân TP. Hồ Chí Minh xử phạt 8 năm tù, về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy” (đến ngày 31/8/2013 được đặc xá); Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/8/2014 – có mặt.

7. TRẦN HOÀNG N, giới tính: Nam, sinh năm 1964, tại TP. Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: C đường N, Phường A, Quận I, TP. Hồ Chí Minh; Chỗ ở: K đường B, Phường B, Quận I, TP. Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Trần Văn H (chết) và bà: Trương Thị N (chết); Vợ: Nguyễn Thị X, có 03 con (lớn sinh năm 1988 nhỏ sinh năm 1994); Tiền sự: Năm 2012 bị Chủ tịch UBND Quận I, TP. Hồ Chí Minh ra Quyết định bắt buộc chữa bệnh 24 tháng, đến ngày 30/3/2014 về địa phương sinh sống cho đến ngày phạm tội; Tiền án: Không; Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/8/2014 – có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo :*

1/ Người bào chữa cho bị cáo Ngô Văn T và Trần Thị Ngọc T: Luật sư Đinh Văn T, Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh - có mặt.

2/ Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Thu T và Trần Hoàng N: Luật sư Nguyễn Thị Hồng Thắm - Thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh - có mặt; Luật sư Vũ Quốc Toàn - Thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh - có mặt;

4/ Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đắc H và Đặng Kim Q – Luật sư Nguyễn Ngọc Tr - Đoàn luật sư TP. Hồ Chí Minh - có mặt;

5/ Người bào chữa cho bị cáo Vũ Trọng H: Luật sư Vũ Quốc T - Thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh - có mặt;

- *Người làm chứng:* Nguyễn Thị M, sinh 1934, là bị cáo trong vụ án này.

Ngoài ra trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác nhưng không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 20 giờ 40 ngày 26/6/2014, tại sân nhà số V đường C, phường X, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh, Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (PC 47) Công an thành phố Hồ Chí Minh bắt quả tang Ngô Văn T đem bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Thị M, thu giữ: 01 bịch nylon màu đen bên trong có 10 bánh bột màu trắng (qua giám định là chế phẩm heroin, trọng lượng 3.503,30gr; giám định hàm lượng là 62,48% = 2.188,8618 g). Khám xét chỗ ở của Nguyễn Thị M tại căn nhà trên, thu giữ: 01 bánh bột màu trắng, (qua giám định là chế phẩm heroin, trọng lượng 349,60g; giám định hàm lượng là 55,82% = 195,1467g) và 10 gói chất bột màu trắng (qua giám định là chế phẩm heroin, trọng lượng 358,27g; giám định hàm lượng là 55,21% = 197,8008g), tổng cộng là: 4.211,17g là chế phẩm heroin; giám định hàm lượng là 2.581,8093g (theo kết luận giám định số 1254/KLGD-H ngày 07/7/2014 và số 52/KLGD-H ngày 30/6/2016 của Phòng KTHS Công an TP. Hồ Chí Minh).

Lúc 15 giờ ngày 01/8/2014, tại khu vực cầu N, đường B, Phường C, Quận K, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Hồ Chí Minh bắt quả tang Vũ Trọng H, Trần Hoàng N và Lê Thị Thu T đang có hành vi mua bán trái phép chất ma túy, thu giữ: 01 áo mưa màu xanh trên xe gắn máy biển số 59L-863-63 của Hoàng N và Thu T bên trong có 02 gói chất bột nén màu trắng gói bằng nylon (qua giám định là chế phẩm heroin, trọng lượng 697,39g; giám định hàm lượng là 27,79% và 22,91% có trọng lượng 176,7777g) (theo kết luận giám định số 1439/KLGD-H ngày 09/9/2014 và số 52/KLGD-H ngày 30/6/2016 của Phòng KTHS Công an TP. Hồ Chí Minh).

Trên cơ sở lời khai của Nguyễn Thị M, lúc 16 giờ ngày 04/8/2014, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh tiến hành bắt khẩn cấp đối với Trần Thị Ngọc T về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Khám xét chỗ ở của Ngọc T tại số A, đường N, Phường L, Quận D, thu giữ: 04 gói nylon bên trong chứa chất tinh thể không màu (qua giám định có Methamphetamine (MA), trọng lượng 6,4673g; giám định hàm lượng là $75,06\% = 4,8543\text{g}$); 01 gói chất bột màu trắng là chế phẩm heroin, trọng lượng 9,1024g; giám định hàm lượng là $37,87\% = 3,4470\text{g}$) (theo kết luận giám định số 1443/KLGD-H ngày 09/9/2014 và số 52/KLGD-H ngày 30/6/2016 của Phòng KTHS Công an TP. Hồ Chí Minh).

Cùng ngày 04/8/2014, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Hồ Chí Minh tiến hành bắt khẩn cấp đối với Bùi Thị H, Đặng Thuý N và Nguyễn Văn H về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Khám xét chỗ ở của Thị H và Thuý N, thu giữ của Thị H: 02 máy xay; 02 thẻ tiết kiệm; 04 điện thoại di động; tiền mặt 100.000.000 đồng; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà; 01 xe gắn máy biển số 54Z8-9462, thu giữ của Thuý N: 01 máy xay có gắn motor; 01 dao ba cạnh; 02 điện thoại di động; tiền mặt 23.000.000 đồng.

Vào lúc 13 giờ 15 phút ngày 01/4/2015, tại trước nhà số S đường N, phường Q, quận H, Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an TP. Hồ Chí Minh bắt quả tang Nguyễn Đắc H và Đặng Kim Q về hành vi cất giữ trái phép chất ma túy để bán. Thu giữ trên xe gắn máy biển số 59V1-675.18 do Đắc H điều khiển 12 gói nylon chứa chất tinh thể không màu (qua giám định có Methamphetamine (MA), trọng lượng 1.000,36g; giám định hàm lượng là $71,49\% = 751,1573\text{g}$). Thu giữ trên xe gắn máy biển số 59G1-118.19 do Q điều khiển 01 khối dạng hình hộp chữ nhật chứa chất bột màu trắng (qua giám định là chế phẩm heroin, trọng lượng 350,05g; giám định hàm lượng là $61,56\% = 215,4907\text{g}$) và thu trong túi quần của Q 01 gói nylon chứa chất tinh thể không màu (qua giám định có Methamphetamine, trọng lượng 33,1623g; giám định hàm lượng là $75,16\% = 24,9247\text{g}$) (theo Kết luận giám định số 787/KLGD-H ngày 24/4/2015 và số 52/KLGD-H ngày 30/6/2016 của Phòng KTHS Công an TP. Hồ Chí Minh).

Khám xét nơi ở của Nguyễn Đắc H tại nhà số L đường N, thu giữ: 02 khối dạng hình hộp chữ nhật chứa chất bột màu trắng, qua giám định là chế phẩm heroin, khối 1 trọng lượng 349,96g; giám định hàm lượng là $34,47\% = 120,6321\text{g}$, khối 2 trọng lượng 168,34g, giám định lại hàm lượng là $34,17\% = 55,5217\text{g}$. 15 gói nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định có Methamphetamine, trọng lượng 1.080,00g; giám định hàm lượng là $77,64\% = 836,568\text{g}$. 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng dạng cục, qua giám định là chế phẩm heroin, trọng lượng 335,70g; giám định hàm lượng là $33,10\% = 111,1167\text{g}$. 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng, qua giám định là chế phẩm heroin, trọng lượng 20.3656g; giám định hàm lượng là $33,11\% = 6,743\text{g}$. 02 gói nylon chứa chất bột màu trắng, trọng lượng 548,57g và 2.081,41g, (qua giám định không tìm thấy thành phần các chất ma túy và tiền chất thường gặp (theo

Kết luận giám định số 788-789/KL.GĐ-H ngày 24/4/2015 và số 52/KLGD-H ngày 30/6/2016 của Phòng KTHS- Công an TP. Hồ Chí Minh).

Quá trình điều tra xác định được hành vi mua bán trái phép chất ma túy cụ thể của các bị cáo như sau :

1/ Hành vi phạm tội của Ngô Văn T: Khoảng tháng 02/2014, Văn T gặp đối tượng C (không rõ lai lịch) tại Công viên phần mềm Q. Qua tiếp xúc, C biết Văn T đang thất nghiệp cần có việc làm nên C thuê Văn T nhận heroin của C đem bán cho Nguyễn Thị M và nhận tiền về cho C. Sau mỗi lần đi giao ma túy, C trả công cho Văn T từ 200USD đến 400USD. Từ tháng 02/2014 cho đến khi bị bắt, Văn T đã 04 lần nhận heroin từ C đem bán cho Nguyễn Thị M cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Khoảng cuối tháng 02/2014, tại Khu công nghiệp T, Văn T nhận 02 bánh heroin từ C cùng số điện thoại của Nguyễn Thị M. Sau đó, Văn T đem heroin đến nhà M bán và nhận tiền đem về đưa cho C và được C trả công 200USD và 500.000 đồng. Nguyễn Thị M đem bán 02 bánh heroin này cho 01 người phụ nữ tên S (không rõ lai lịch) với giá 210.000.000 đồng/bánh và 215.000.000 đồng/bánh.

- Lần thứ hai: Trong tháng 3/2014, cũng với phương thức trên, Văn T 02 lần nhận 4 bánh heroin từ C rồi đem đến nhà bán cho M, khi nhận hàng M thấy có 02 bánh heroin bị vỡ nghi là ma túy kém chất lượng nên M trả lại 02 bánh chỉ mua 02 bánh, Văn T được C trả công 300USD. Đến khoảng cuối tháng 3/2014, tại khu công nghiệp Tân Bình, Văn T nhận 02 bánh heroin của C đến nhà bán cho M và được C trả công 400USD.

- Lần thứ ba: Ngày 25/6/2014, Văn T nhận 06 bánh heroin của C đem đi bán cho M và được C trả công 400USD và 700.000 đồng. Nguyễn Thị M bán lại cho S 03 bánh với giá 215.000.000đ/bánh; bán cho Ngọc T 01 bánh với giá 210.000.000 đồng. Còn lại 02 bánh heroin, M lấy 01 bánh phân thành 10 cục nhỏ có trọng lượng bằng nhau (35,827gr/cục) cất giấu tại bếp ăn để bán lẻ và 01 bánh thì cất giấu ở trong phòng ngủ nhưng chưa kịp tiêu thụ thì bị cơ quan công an khám xét thu giữ vật chứng như trên.

- Lần thứ tư: Khoảng 19 giờ ngày 26/6/2014, Văn T nhận 10 bánh heroin từ C đem đến nhà bán cho M thì bị bắt quả tang cùng vật chứng như đã nêu trên.

2/ Hành vi phạm tội của Trần Thị Ngọc T, Bùi Thị H, Đặng Thuý N, Lê Thị Thu T, Trần Hoàng N và Nguyễn Văn H:

Nguyễn Thị M khai nhận: Khoảng đầu năm 2014, M đi thăm người cháu tên Nguyễn Thị T đang chấp hành án tại Trại giam X, Đồng Nai thì gặp và quen biết với Trần Thị Ngọc T (cũng đang đi thăm bạn tên C). Từ mối quan hệ này, M chào bán ma túy cho Ngọc T. Cụ thể từ tháng 5/2014 đến đầu tháng 6/2014, M đã lần lượt bán 05 bánh heroin cho Ngọc T (như đã trình bày ở phần trên).

Trần Thị Ngọc T lúc đầu khai nhận: Khi được M chào bán heroin, khoảng

c cuối tháng 4/2014, Ngọc T tìm gặp Thị H (là bạn tù trước đây) móc nối chào bán heroin, Thị H đồng ý. Từ cuối tháng 5/2014 đến tháng 6/2014, Ngọc T mua của M 01 bánh heroin với giá 210.000.000 đ, rồi đem về chỗ ở cùng với người bạn trai tên H1 (không rõ lai lịch) dùng máy xay sinh tố xay mịn heroin rồi bỏ thêm một ít chất bột màu trắng vào để ép thành bánh heroin, sau đó phân thành 22 cục có trọng lượng bằng nhau, mỗi cục nặng 5 chỉ (tương đương 15-16g/cục) và dư lại một phần vụn cân nặng 9,1024g (bị thu giữ khi khám xét). Sau đó, Ngọc T trực tiếp bán cho Bùi Thị H 02 lần tổng cộng 18 cục heroin với giá 10.000.000 đ/cục. Còn lại 04 cục Ngọc T đưa cho H1 đem đi bán cho ai không rõ. Do heroin kém chất lượng nên Thị H trả lại cho Ngọc T 02 lần, cụ thể: Lần thứ nhất trả lại 5 cục, lần thứ 2 trả lại 3 cục. Tất cả 8 cục heroin này Ngọc T đưa cho H1 đi bán cho khách (không rõ lai lịch). Riêng gói ma túy đá thu giữ tại nhà, Ngọc T khai của H1 đưa cho Ngọc T để chào bán cho khách với giá 7.000.000 đ, nhưng chưa kịp bán thì bị khám xét, thu giữ cùng với số heroin vụn như trên.

Bùi Thị H lúc đầu khai nhận: Từ cuối tháng 5/2014 đến cuối tháng 6/2014, Thị H đã 02 lần mua 18 cục heroin của Ngọc T. Cụ thể, lần thứ nhất: Khoảng cuối tháng 5/2014, Đặng Thuý N (là bạn tù của Thị H) gặp Thị H hỏi tìm mua ma túy đem về bán. Thị H nhận lời và báo giá 1 cục heroin (loại 5 chỉ) giá 10.500.000đ. Thị H gọi điện thoại cho Ngọc T đặt mua 10 cục heroin. Ngọc T đến nhà của Thị H nhận tiền, sau đó đem ma túy đến bụi cỏ cạnh gốc cây dừa, gần cầu nhỏ đầu đường đi vào nhà của Thị H để ở đó và gọi điện thoại báo cho Thị H ra lấy. Lần thứ 2: Vào đầu tháng 6/2014, Thuý N đặt mua 10 cục heroin, Thị H gọi cho Ngọc T đặt mua 10 cục ma túy (nhưng Ngọc T báo lại chỉ còn 8 cục). Cũng như lần đầu, Ngọc T đến nhà Thị H nhận tiền và để ma túy tại bụi cỏ gốc cây dừa cho Thị H. Số heroin mua được, Thị H đem về bán lại cho Đặng Thuý N, nhưng do heroin kém chất lượng, nên Thuý N đem đến nhà trả lại cho Thị H 02 lần, lần đầu 05 cục, lần sau 03 cục, tổng cộng 08 cục heroin. Thị H mang trả lại cho Ngọc T.

Đặng Thuý N, Lê Thị Thu T và Nguyễn Văn H khai nhận phù hợp với lời khai của Bùi Thị H về mối quan hệ mua bán heroin với nhau. Nguồn heroin mua từ Thuý N, Thu T đem về giao cho Trần Hoàng N (là người sống như vợ chồng với Thu T) tiêu thụ với sự giúp sức của Nguyễn Văn H (người giúp việc nhà cho Thu T) cụ thể: Khoảng cuối tháng 5/2014, Thu T điện thoại cho Thuý N đặt mua 10 cục heroin (có trọng lượng 5 chỉ/cục) với giá 10.750.000 đ/cục. Thuý N đặt mua 10 cục heroin với Thị H. Thu T kêu Văn H chở đến nhà Thuý N. Khi đến nơi, Văn H ngồi chờ ở quán cà phê trước nhà Thuý N, còn Thu T vào nhà Thuý N giao dịch mua 10 cục heroin này. Sau đó, Thu T cùng với Thuý N ra quán cà phê gặp Văn H. Tại đây, Thu T giới thiệu Văn H cho Thuý N biết để lần sau Văn H theo yêu cầu của Thu T đến gặp Thuý N mua heroin. Sau khi mua 10 cục heroin của Thuý N, Thu T đưa cho Văn H đem giao cho Hoàng N tiêu thụ. Đến đầu tháng 6/2014, Thu T đặt mua của Thuý N 10 cục heroin với giá 10.750.000 đ/cục. Thuý N liền đặt mua của Thị H 10 cục. Sau đó, Thu T kêu Văn H đến nhà của Thuý N nhận 01 bịch nylon chứa heroin đem về cho Thu T, nhưng khi Thu T mở bịch nylon ra kiểm tra thì chỉ thấy có 08 cục heroin nên Thu T điện thoại báo

cho Thúy N biết, đồng thời Thu T kêu Văn H đem số heroin này đưa cho Hoàng N bán. Thu T trả công cho Văn H 1.000.000 đ. Sau 02 lần mua heroin từ Thúy N, Thu T đều giao cho Hoàng N tiêu thụ được 10 cục, còn lại 08 cục kém chất lượng Thu T bảo Văn H đem trả lại cho Thúy N. Thúy N trả lại Thị H.

3/ Hành vi phạm tội của Nguyễn Đắc H, Vũ Trọng H, Đặng Kim Q, Lê Thị Thu T, Trần Hoàng N.

Nguyễn Đắc H khai nhận: Đắc H quen biết người tên Lý T (không rõ lai lịch). Tháng 7/2014, Lý T chào bán heroin cho Đắc H, đồng thời chỉ cách pha trộn heroin với bột năng để tăng trọng lượng đem bán thu lợi nhuận cao. Đắc H đồng ý và thoả thuận với Lý T khi nào tìm được mối tiêu thụ thì sẽ điện thoại. Khoảng giữa tháng 7/2014, Đắc H gặp Vũ Trọng H (là bạn quen nhau từ nhỏ) và biết Trọng H đang tìm mua heroin nên Đắc H chào bán heroin với giá 180.000.000 đ/bánh. Trọng H đồng ý đặt mua 02 bánh heroin và thoả thuận lấy đem đi bán rồi quay lại thanh toán tiền sau. Đắc H gặp Lý T mua 01 bánh heroin với giá 180.000.000 đ rồi đem về nhà pha trộn bánh heroin này với bột năng theo cách thức, cân trọng lượng bánh heroin 350g bỏ vào máy xay nhuyễn thành bột rồi đem trộn đều với 350g bột năng. Sau đó cân để chia đều số bột heroin và bột năng đã trộn bỏ vào khuôn ép, nén lại thành 2 bánh heroin, dùng nylon và băng keo gói lại. Đến ngày 01/8/2014, Đắc H bán 02 bánh heroin này cho Trọng H. Khi Trọng H đem đến khu vực cầu N, phường G, Quận K để bán lại cho Trần Hoàng N và Lê Thị Thu T thì bị bắt quả tang như đã nêu trên (Đắc H chưa nhận tiền thanh toán của Trọng H). Sau khi biết Trọng H bị bắt, Đắc H tạm ngưng bán heroin một thời gian cho đến khoảng tháng 2/2015, Đắc H móc nối với Đặng Kim Q (là bạn ở gần khu vực nhà Đắc H) cùng thực hiện mua bán heroin như sau: Đắc H bỏ tiền vốn liên hệ với Lý T đặt mua heroin, sau đó Q đi nhận về rồi phụ giúp Đắc H thực hiện pha trộn bánh heroin với bột năng theo cách thức như trên. Sau đó, Đắc H tìm mối tiêu thụ, chào bán heroin rồi giao cho Q đem bán và nhận tiền về, tiền lời Đắc H và Q chia đôi, Q đồng ý. Sau đó, Đắc H liên hệ với Lý T đặt mua heroin, đồng thời tìm gặp đối tượng tên Văn H (không xác định lai lịch) chào bán heroin. Ngày 31/3/2015, Văn H liên lạc gặp Đắc H và yêu cầu mua loại heroin tốt. Đắc H báo giá 01 bánh heroin loại tốt là 180.000.000 đ/bánh, Văn H đồng ý mua. Đắc H gọi cho Lý T đặt mua 01 bánh heroin để bán cho Văn H thì Lý T chào bán thêm cho Đắc H 02 kg ma túy dạng đá với giá 500.000.000đ/kg. Đắc H đồng ý mua và đưa tiền cho Q đem đến đường C, quận H gặp Lý T mua 01 bánh heroin và 02 kg ma túy đá đem về cất giấu ở nhà dự định sẽ liên hệ chào bán cho Văn H. Lúc 13 giờ 15 ngày 01/4/2015, Đắc H chuẩn bị đem 12 gói ma túy đá, trọng lượng 1.000,36g cùng Q đem theo 01 bánh heroin và 33,1623g ma túy dạng đá bán cho Văn H thì bị bắt quả tang như trên.

Đặng Kim Q khai nhận phù hợp với lời khai của Nguyễn Đắc H. Các tài liệu chứng cứ khác thu thập được, có đủ căn cứ xác định Đắc H và Q phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ số ma túy đã thu giữ, riêng Đắc H còn chịu thêm phần mua bán với Trọng H.

Vũ Trọng H khai nhận vào khoảng tháng 3/2014, thông qua bạn bè giới

thiệu Trọng H quen biết Lê Thanh T. Từ mối quan hệ này, Thanh T móc nối Trọng H tìm nguồn heroin để bán cho Thanh T. Sau đó Trọng H tìm gặp Nguyễn Đắc H đặt mua heroin và đã thực hiện mua 2 lần 3 bánh heroin của Đắc H đem bán cho Thanh T (Tuy nhiên Đắc H chỉ thừa nhận bán 2 bánh heroin cho Trọng H)

Ngày 01/8/2014, Thanh T điện thoại cho Trọng H đặt mua 02 bánh heroin và kêu Trọng H đem đến cầu N, Quận K, để giao cho Hoàng N và Thu T. Thanh T sẽ gặp Trọng H trả tiền sau. Trọng H đến gặp Đắc H mua 02 bánh heroin rồi đem đến điểm hẹn để giao cho Hoàng N. Lúc 15 giờ cùng ngày, Trọng H đến điểm hẹn và đứng chờ ở giữa cầu thì thấy Hoàng N điều khiển xe gắn máy (biển số 59L1-863.63) chở Thu T ngồi phía sau đến, Trọng H đưa 02 bánh heroin (được gói trong áo mưa) cho Hoàng N cầm để trên бага xe Hoàng N thì bị lực lượng Công an đến kiểm tra bắt quả tang như đã nêu trên.

Lê Thị Thu T khai nhận: Sau khi Thúy N bị bắt (ngày 26/7/2014), Thu T cùng đi với Hoàng N gặp Lê Thanh T để mua heroin đem về tiêu thụ. Cụ thể Thu T đã 02 lần đi cùng với Hoàng N gặp Thanh T và Trọng H để thoả thuận mua 03 bánh heroin như sau:

- Lần đầu: Thu T và Hoàng N gặp Thanh T và Trọng H thoả thuận mua 01 bánh heroin trên đường C (như đã nêu ở phần trên).

- Lần thứ hai: Khoảng 10 giờ ngày 01/8/2014, trong lúc Hoàng N đang ngủ thì Thanh T gọi điện thoại cho Hoàng N nhưng Thu T là người nghe máy. Thanh T nói với Thu T khi nào Hoàng N dậy thì gọi điện lại cho Thanh T. Sau khi Hoàng N ngủ dậy, Thu T nói cho Hoàng N biết là Thanh T nhắn Hoàng N gọi điện thoại lại cho Thanh T. Sau đó, Hoàng N chở Thu T đi đến ngã tư đường N – T ngồi uống nước bên lề đường chờ Thanh T gọi điện hẹn gặp giao heroin. Khoảng 14 giờ cùng ngày, Thanh T gọi điện thoại vào máy của Thu T nói chuyện với Hoàng N, Hoàng N lại tiếp tục chở Thu T đi qua cầu N, Quận K (gần trường lái xe). Khi đi đến cầu N, Hoàng N và Thu T gặp Trọng H đang đứng đợi trên cầu. Hoàng N dừng xe, Trọng H đến đưa cho Hoàng N 02 bánh heroin (gói trong áo mưa) và cài vào бага trước xe cho Hoàng N thì cả ba bị bắt quả tang cùng tang vật như đã nêu trên.

Nguyễn Văn H khai nhận phù hợp với lời khai của Lê Thị Thu T về việc giúp sức cho Thu T, trực tiếp giao nhận tiền và ma túy với Thúy N.

Đối với Trần Hoàng N: Quá trình điều tra khai báo quanh co để che giấu hành vi mua bán heroin cùng với Thu T, chỉ khai nhận: Khoảng 12 giờ trưa ngày 01/8/2014, sau khi ngủ dậy Hoàng N rủ Thu T đi đến đường N, ngồi uống nước bên lề đường. Khoảng 14 giờ cùng ngày, Hoàng N chở Thu T đi qua trường lái bên Quận K xem tập lái xe. Trong lúc đang điều khiển xe, thì có con gái của Hoàng N tên Trần Thị Ngọc T gọi điện cho Hoàng N hỏi Hoàng N có đi thăm vợ của Hoàng N (mẹ của Trần Thị Ngọc T đang thi hành án tại trại giam Z30D về tội mua bán trái phép chất ma túy) hay không, khi đi đến cầu N, Hoàng N bị dừng xe và bị công an bắt giữ cho đến nay. Hoàng N không thừa nhận quen

biết với Vũ Trọng H, Lê Thanh T và không thừa nhận 02 bánh heroin thu giữ là của Hoàng N khi bị bắt quả tang. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả điều tra, đã xác định lời khai của Trần Hoàng N là không có căn cứ, cụ thể: Qua ghi lời khai của Trần Thị Ngọc T, T không gọi điện thoại cho Hoàng N trước thời điểm bị bắt quả tang, không có sự việc Hoàng N bị dừng xe tại cầu N. Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và lời khai của Lê Thị Thu T, Vũ Trọng H, Nguyễn Văn H phù hợp với nhau. Do đó, có căn cứ xác định Trần Hoàng N đã thực hiện hành vi mua bán 03 bánh heroin và 10 cục heroin của Vũ Trọng H và Đặng Thuý N.

Riêng đối tượng Lê Thanh T bỏ địa phương đi đâu không rõ nên chưa lấy lời khai được. Cơ quan điều tra tiếp tục truy xét, thu thập tài liệu, khi có đủ căn cứ sẽ đề nghị xử lý sau.

Đối với các đối tượng tên C, S, H1 và một số đối tượng có liên quan do Ngô Văn T, Nguyễn Thị M và Trần Thị Ngọc T khai không rõ lai lịch, địa chỉ nên cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ để xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 125/2017/HSST ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Ngô Văn T, Đặng Kim Q, Nguyễn Đắc H, Trần Hoàng N, Lê Thị Thu T, Trần Thị Ngọc T, Vũ Trọng H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1/ Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194 ; Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm c tiểu mục 3.1 mục 3 Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

Xử phạt: Bị cáo Ngô Văn T Tử hình, tổng hợp hình phạt với bản án số 110/2015/HSST ngày 09/7/2015 của Tòa án nhân dân Quận E, thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt bị cáo 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Buôn bán hàng giả”, hình phạt chung phải chấp hành là tử hình.

2/ Áp dụng điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm c tiểu mục 3.1 mục 3 Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

Xử phạt: Bị cáo Đặng Kim Q Tử hình,

3/ Áp dụng điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm c tiểu mục 3.3 mục 3 của Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt: Nguyễn Đắc H tù Chung thân

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/4/2015

4/ Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm c tiểu mục 3.3

mục 3 của Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt: Trần Hoàng N tù Chung thân

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/8/2014

5/ Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm c tiểu mục 3.3 mục 3 của Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt: Lê Thị Thu T tù Chung thân

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/8/2014

6/ Áp dụng điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b tiểu mục 3.3 mục 3 của Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt : Trần Thị Ngọc T 20 (hai mươi) năm tù

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/8/2014

7/ Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm a tiểu mục 3.3 mục 3 của Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt : Vũ Trọng H 18 (mười tám) năm tù

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/8/2014

+ Buộc các bị cáo nộp phạt bổ sung cụ thể như sau: các bị cáo Ngô Văn T, Đặng Kim Q, Nguyễn Đắc H mỗi bị cáo nộp 100.000.000 (một trăm triệu) đồng; các bị cáo Trần Hoàng N, Lê Thị Thu T, Trần Thị Ngọc T, Vũ Trọng H mỗi bị cáo nộp 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

Án sơ thẩm còn tuyên phạt các bị cáo khác trong vụ án mức hình phạt từ 15 năm tù đến tù chung thân và hình phạt bổ sung theo quy định.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 11/4/2017, bị cáo Ngô Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho rằng: Cấp sơ thẩm xử bị cáo về tội mua bán trái phép chất ma túy là đúng người, đúng tội nhưng xử bị cáo mức án tử hình là quá nặng.

Ngày 17/4/2017, bị cáo Nguyễn Đắc H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 07/4/2017, bị cáo Đặng Kim Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 18/4/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 15/KNPT-VKS-P1 với nội dung: Cấp sơ

thẩm căn cứ vào khối lượng ma túy tính theo hàm lượng là không đúng mà phải căn cứ vào khối lượng theo kết quả giám định chất ma túy do các bị cáo vi phạm là chế phẩm heroin và có thành phần Methamphetamine đã thu giữ mới đúng. Đề nghị tăng mức hình phạt đối với các bị cáo: Nguyễn Đắc H, Trần Hoàng N, Lê Thị Thu T, Vũ Trọng H và Trần Thị Ngọc T.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Kháng cáo của bị cáo Văn T không có căn cứ, hành vi của bị cáo đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, khối lượng ma túy bị cáo mua bán lớn, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, đề nghị bác kháng cáo của bị cáo Văn T. Đối với bị cáo Ngọc T, đề nghị chấp nhận kháng nghị tăng hình phạt đối với bị cáo.

Đối với hành vi mua bán ma túy của các bị cáo Đắc H, Q, Trọng H, Thu T, Hoàng N (hành vi Thu T, Hoàng N mua 02 bánh heroin của Trọng H), hành vi phạm tội của các bị cáo này chưa có quyết định khởi tố vụ án, hành vi phạm tội xảy ra sau khi có quyết định khởi tố vụ án đối với Văn T, M vào ngày 02/7/2014. Trước tháng 7/2014 thì Đắc H, Q, Trọng H không có hành vi mua bán ma túy và không liên quan gì đến hành vi mua bán ma túy của nhóm Văn T, M. Cơ quan điều tra căn cứ vào quyết định khởi tố vụ án đối với Văn T, M vào ngày 02/7/2014 để khởi tố bị can đối với Đắc H, Q, Trọng H là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm để điều tra lại đối với các bị cáo Đắc H, Q, Trọng H, Thu T, Hoàng N.

- Người bào chữa cho bị cáo Ngô Văn T và Trần Thị Ngọc T, Luật sư Đinh Văn Toàn trình bày:

Đối với bị cáo Văn T: Về tội danh Luật sư không có ý kiến gì. Bị cáo Văn T có các tình tiết giảm nhẹ, bị cáo không có vai trò chủ mưu, chỉ là đồng phạm, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo có thời gian tham gia quân ngũ, chiến đấu ở biên giới phía bắc và được kết nạp đảng tại chiến trường, gia đình bị cáo có truyền thống cách mạng, bị cáo bị tai nạn trong lúc tạm giam, hiện bị cáo còn phải nuôi mẹ già và con nhỏ. Đề nghị xét giảm án cho bị cáo.

Đối với bị cáo Ngọc T: Lượng ma túy bị cáo phải chịu trách nhiệm là 134g heroin. Đề nghị áp dụng Nghị quyết 01/2001/NQ-HĐTP bác kháng nghị của Viện kiểm sát.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Thu T – Luật sư Nguyễn Thị Hồng Thắm trình bày: Về tội danh của bị cáo là đúng, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, đại diện Viện kiểm sát đề nghị hủy án để điều tra lại đối với bị cáo Thu T là không đúng, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo tù chung thân là nghiêm khắc, đề nghị bác kháng nghị, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Thu T.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Hoàng N – Luật sư Vũ Quốc Toàn trình bày: Cấp sơ thẩm xử bị cáo Hoàng N là đúng người đúng tội, kháng nghị không có căn cứ, đề nghị bác kháng nghị, y án sơ thẩm đối với bị cáo Hoàng N.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đắc H và Đặng Kim Q – Luật sư Nguyễn Ngọc Trâm trình bày đồng ý với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay, đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm để điều tra lại.

- Người bào chữa cho bị cáo Vũ Trọng H – Luật sư Vũ Quốc Toàn trình bày: Đề nghị bác kháng nghị đối với bị cáo Trọng H, giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo Trọng H.

Các bị cáo trong phần tranh luận không phát biểu tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]- Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Ngô Văn T, Trần Thị Ngọc T, Lê Thị Thu T, Vũ Trọng H, Nguyễn Đắc H, Đặng Kim Q, Trần Hoàng N đều đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và bản án sơ thẩm đã quy kết. Các bị cáo thừa nhận và không có ý kiến gì về hành vi phạm tội, thừa nhận số lượng ma túy mua bán mà cơ quan tiến hành tố tụng làm căn cứ buộc tội các bị cáo là đúng. Người làm chứng Nguyễn Thị M cũng xác nhận lại các lần mua bán ma túy với Văn T đúng như án sơ thẩm đã nhận định.

[2]- Căn cứ biên bản bắt người phạm tội quả tang, tang vật vụ án, lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với nhau, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Ngô Văn T, Nguyễn Đắc H, Đặng Kim Q, Trần Thị Ngọc T, Vũ Trọng H, Trần Hoàng N, Lê Thị Thu T đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy, cụ thể, hành vi phạm tội của các bị cáo được xác định như sau:

[3]- Hành vi phạm tội của Ngô Văn T: Theo kết quả điều tra và tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa hôm nay thì có cơ sở kết luận: Trong khoảng từ tháng 02/2014 cho đến khi bị bắt, Văn T mua ma túy của C (chưa rõ lai lịch) sau đó Văn T bán cho Nguyễn Thị M 13 bánh heroin. Trong đó bị bắt quả tang thu giữ 12 bánh heroin, 01 bánh heroin Văn T bán cho M trước đó và M bán cho Trần Thị Ngọc T bánh heroin này. Như vậy, bị cáo Văn T phải chịu trách nhiệm đối với 13 bánh heroin đã mua bán với M có tổng khối lượng là 2.714,2028g heroin (2.581,8093g bắt quả tang + 132,3935g của Ngọc T) đã được giám định hàm lượng (theo kết luận giám định số 52/KLGD-H ngày 30/6/2016 của Phòng KTHS Công an TP. Hồ Chí Minh).

[4]- Hành vi phạm tội của Trần Thị Ngọc T như sau: Khoảng cuối tháng 4/2014, Ngọc T mua của Nguyễn Thị M 01 bánh heroin có khối lượng tương đương 132,3935g heroin (đã được giám định hàm lượng theo kết luận giám định số 52 nêu trên), rồi phân ra 22 cục để bán lại. Còn lại khi bắt đã thu giữ của Ngọc T số ma túy qua giám định hàm lượng là 3,4470g heroin và 4,8543g

Methamphetamine. Như vậy, bị cáo Ngọc T phải chịu trách nhiệm đối với 132,3935g heroin và 4,8543g Methamphetamine.

[5]- Hành vi phạm tội của Nguyễn Đắc H, Đặng Kim Q, Vũ Trọng H :

Đắc H mua ma túy của Lý T (chưa xác minh lai lịch) bán lại cho Vũ Trọng H 02 bánh heroin. Trọng H bị bắt quả tang ngày 01/08/2014 khi đang bán 02 bánh heroin mua của Đắc H cho Hoàng N, Thu T. Đến tháng 4/2015 Đắc H cùng Đặng Kim Q hùn tiền mua bán ma túy chung với nhau thì bị bắt quả tang số ma túy gồm 509,5033g heroin và 1.576,65g Methamphetamine đã được giám định hàm lượng (theo kết luận giám định số 52/KLGD-H ngày 30/6/2016 của Phòng KTHS Công an TP. Hồ Chí Minh). Như vậy, Đắc H và Q cùng phải chịu trách nhiệm đối với số ma túy bị bắt quả tang 1.214,0103g heroin (được qui đổi ra heroin theo Nghị quyết 01/2001/QN-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao). Riêng Đắc H còn phải chịu thêm số ma túy đã bán cho Trọng H qua giám định hàm lượng là 176,7777g heroin. Trọng H phải chịu trách nhiệm đối với số ma túy bị bắt giữ quả tang là 176,7777g heroin.

[6]- Hành vi phạm tội của Lê Thị Thu T, Trần Hoàng N:

Từ tháng 5/2014 đến tháng 8/2014 Lê Thị Thu T và Trần Hoàng N nhiều lần mua ma túy của Đặng Thuý N và một lần mua của Vũ Trọng H để bán lại cho người khác, bị bắt quả tang như trên. Như vậy, Thu T và Hoàng N phải chịu trách nhiệm đối với số ma túy mua của Trọng H bị bắt giữ quả tang vào ngày 01/8/2014 là 176,7777 g heroin cộng với số ma túy mua của Thuý N là 71,0062 g heroin. Như vậy, Lê Thị Thu T và Trần Hoàng N phải chịu trách nhiệm đối với số ma túy có trọng lượng là 247,7838g heroin.

[7]- Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ của các bị cáo Ngô Văn T thì thấy:

Bị cáo có hành vi nhiều lần mua bán ma túy với khối lượng ma túy lớn, 13 bánh heroin với khối lượng 2.714,2028g heroin đã giám định hàm lượng. Hành vi của bị cáo đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, gieo rắc tệ nạn ma túy, gây ảnh hưởng lớn đến sức khỏe cộng đồng, là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác. Bị cáo nhận thức được tính nguy hiểm của hành vi phạm tội của mình nhưng do háms lợi nên vẫn làm, bất chấp pháp luật. Bị cáo Văn T có nhân thân xấu, có 1 tiền án về tội buôn bán hàng giả. Căn cứ khối lượng ma túy quy định tại điểm c tiểu mục 3.1 mục 3 Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 thì khối lượng ma túy các bị cáo buôn bán cao hơn nhiều so với quy định. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo cho thấy bị cáo Văn T không thể cải tạo, giáo dục chổ thành người lương thiện. Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt cao nhất, loại ra khỏi đời sống xã hội mới đảm bảo sự ổn định xã hội, phục vụ công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm về ma túy, loại bỏ được nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác.

Về các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo Văn T: Trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa hôm nay, Luật sư của bị cáo có giao nộp các chứng cứ về việc bị cáo có tham gia chiến đấu tại chiến trường biên giới phía bắc năm 1987 tại mặt trận

Vị Xuyên, có thành tích nên được kết nạp vào Đảng tại quân ngũ; gia đình bị cáo có bác ruột, chú ruột có thành tích trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ được tặng huân chương kháng chiến; Luật sư trình bày tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn nhận tội. Xét thấy đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân bị cáo thì thấy những tình tiết giảm nhẹ này không phải là đặc biệt và không đủ căn cứ để giảm hình phạt cho bị cáo xuống mức tù chung thân.

Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Văn T.

[8]- Về nội dung kháng nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Trần Thị Ngọc T: Viện kiểm sát kháng nghị cho rằng Tòa cấp sơ thẩm căn cứ vào hàm lượng ma túy theo kết quả giám định để tính khối lượng ma túy làm căn cứ lượng hình để xử phạt các bị cáo là không đúng mà phải lấy khối lượng chế phẩm ma túy để tính khối lượng ma túy làm căn cứ kết tội bị cáo, đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo này.

Xét thấy: Theo nội dung các điều luật về tội phạm ma túy nói chung và Điều 194 Bộ luật hình sự thì khối lượng (trọng lượng) ma túy để truy tố các bị cáo là heroin, cocain...mà không phải là chế phẩm các chất ma túy. Khoản 2 Điều 1 Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015 cũng xác định "...Bắt buộc phải trung cầu giám định hàm lượng để xác định trọng lượng chất ma túy...". Điểm a, b mục 1 phần I Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 cũng quy định cần xác định hàm lượng để tính trọng lượng ma túy đối với trường hợp phải giám định hàm lượng ma túy.

Theo các quy định viện dẫn trên thì khi đã có giám định về hàm lượng chất ma túy thì phải lấy hàm lượng theo kết luận giám định để tính khối lượng ma túy làm căn cứ kết tội và lượng hình. Trường hợp không có giám định hàm lượng chất ma túy và theo quy định không phải giám định hàm lượng chất ma túy thì khối lượng ma túy được tính trên khối lượng chế phẩm chất ma túy thu được hoặc xác định được. Cấp sơ thẩm căn cứ vào khối lượng ma túy tính theo hàm lượng ma túy để xét xử là có căn cứ pháp luật.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng thẩm phán TANDTC, trên cơ sở khối lượng ma túy mà bị cáo mua bán hoặc dùng để mua bán thì mức hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng cho Trần Thị Ngọc T là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo là nữ, còn có con nhỏ, tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn nhận tội, có thái độ ăn năn hối cải. Vì vậy, không chấp nhận kháng nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Ngọc T của Viện kiểm sát, giữ nguyên mức hình phạt của cấp sơ thẩm đối với bị cáo Ngọc T.

[9]- Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của Đặng Kim Q, Nguyễn Đắc H và kháng nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Đắc H, Trần Hoàng N, Lê Thị Thu T, Vũ Trọng H:

[9.1]- Về thủ tục tố tụng:

Trước thời điểm khởi tố vụ án hình sự ngày 02/7/2014 thì Đắc H, Q và Trọng H không có hành vi mua bán ma túy với nhóm bị cáo Văn T, M, Ngọc T, Thúy N, Thị H, Thu T, Hoàng N. Đến ngày 01/8/2014 thì Trọng H mua ma túy của Đắc H bán cho Hoàng N và Thu T thì bị bắt quả tang. Sau khi Trọng H bị bắt thì Đắc H ngưng bán ma túy một thời gian. Tháng 2/2015, Đắc H móc nối với Đặng Kim Q (là bạn ở gần khu vực nhà Đắc H) cùng thực hiện mua bán heroin. Ngày 31/3/2015, đối tượng tên Văn H (chưa xác minh lai lịch) liên lạc gặp Đắc H và yêu cầu mua loại heroin tốt. Đắc H gọi cho Lý T đặt mua heroin để bán cho Văn H. Đắc H đưa tiền cho Q đem đến đường N, quận H gặp Lý T mua 01 bánh heroin và 02 kg ma túy đá đem về cất giấu ở nhà dự định sẽ liên hệ chào bán cho Văn H. Lúc 13 giờ 15 phút, ngày 01/4/2015, Đắc H chuẩn bị đem 12 gói ma túy đá, trọng lượng 1.000,36g cùng Q đem theo 01 bánh heroin và 33,1623g ma túy dạng đá bán cho Văn H thì bị bắt quả tang.

Như vậy, hành vi mua bán ma túy của Đắc H, Q, Trọng H và hành vi mua bán ma túy giữa Thu T, Hoàng N với Trọng H là độc lập với hành vi phạm tội của các bị cáo Văn T, M, xảy ra sau thời điểm khởi tố vụ án mua bán ma túy đối với Văn T, M, tại địa điểm khác, không liên quan gì đến vụ án của Văn T, M và các bị cáo khác bị khởi tố theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 315-01 ngày 02/7/2014. Căn cứ Điều 100, 104 Bộ luật tố tụng hình sự thì hành vi phạm tội của Đắc H, Q, Trọng H phải có quyết định khởi tố vụ án riêng thành vụ án khác và nếu cần nhập vụ án thì căn cứ Điều 117 Bộ luật tố tụng hình sự để ra quyết định nhập vụ án vào vụ án đã khởi tố vụ án đối với Văn T, M. Tuy nhiên, cơ quan điều tra lấy Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 315-01 ngày 02/7/2014 làm căn cứ để khởi tố bị can và tiến hành các hoạt động điều tra khác đối với Đắc H, Q, Trọng H trong cùng vụ án với Văn T, M và các bị cáo khác là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSTC-BCA-TANDTC ngày 27/8/2010 và điểm c khoản 1 Điều 179 Bộ luật tố tụng hình sự nên phải hủy một phần bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Đắc H, Q, Trọng H để điều tra lại. Việc điều tra lại hành vi mua bán ma túy của Trọng H có liên quan đến Thu T và Hoàng N nên phải hủy một phần bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự đối với Thu T và Hoàng N có liên quan đến hành vi mua bán ma túy với Trọng H, đồng thời lấy kết quả số lượng ma túy mà Thu T và Hoàng N mua bán với Thúy N đã được xác định là 71,0062g heroin (đã giám định hàm lượng) cộng với khối lượng ma túy mà Thu T, Hoàng N mua của Trọng H khi điều tra lại để xác định trách nhiệm hình sự của Thu T và Hoàng N trong cùng vụ án.

Vì vậy, hủy một phần bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Đắc H, Q, Trọng H, Thu T, Hoàng N về phần trách nhiệm hình sự và xử lý vật chứng để điều tra lại.

[9.2]- Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, Đắc H nhiều lần khai Đắc H quen biết đối tượng Lý T (còn gọi là Lý T) và Văn H khi Đắc H và Lý T, Văn H cùng chấp hành hình phạt tù tại trại giam vào tháng 12/2006. Sau khi ra

tù thì Đắc H gặp lại Lý T và Văn H và nhiều lần mua bán ma túy với Lý T và Văn H. Q cũng khai được Đắc H đưa tiền đi gặp Lý T trả tiền và nhận ma túy mang về cho Đắc H, Q là người được Đắc H đưa ma túy đi giao cho Văn H. Đắc H và Q khai nếu gặp lại Lý T và Văn H thì nhận dạng được.

Như vậy, có việc Đắc H, Q mua bán ma túy với Lý T và Văn H. Qua lời khai của Đắc H, Q thì có thể xác minh được lai lịch, địa chỉ của Lý T và Văn H. Cơ quan điều tra không tiến hành xác minh lai lịch của Lý T và Văn H theo lời khai của Đắc H để xử lý các đối tượng này là có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm. Cấp sơ thẩm cũng không căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSTC-BCA-TANDTC ngày 27/8/2010 và điểm d khoản 1 Điều 179 Bộ luật tố tụng hình sự để trả hồ sơ để điều tra bổ sung về nội dung này là có thiếu sót.

Các thiếu sót trên không thể khắc phục được tại phiên tòa phúc thẩm. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Đắc H, Q, Trọng H, Thu T, Hoàng N để điều tra lại. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Bị cáo Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Đắc H, Q kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 248, khoản 1 Điều 250 Bộ luật tố tụng hình sự,

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Ngô Văn T, không chấp nhận kháng nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Thị Ngọc T, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát đối với các bị cáo Nguyễn Đắc H, Đặng Kim Q, Vũ Trọng H, Lê Thị Thu T, Trần Hoàng N; hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm số 125/2017/HSST ngày 04/4/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

- Tuyên bố các bị cáo Ngô Văn T, Trần Thị Ngọc T, phạm tội “ Mua bán trái phép chất ma túy ”.

1- Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194, Điều 35, khoản 2 Điều 46, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009, điểm c tiểu mục 3.1 mục 3 Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

- Xử phạt bị cáo Ngô Văn T: Tử hình, tổng hợp hình phạt với bản án số 110/2015/HSST ngày 09/7/2015 của Tòa án nhân dân Quận E, thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt bị cáo 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Buôn bán hàng giả”, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là tử hình.

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo Ngô Văn T, được gửi đơn lên Chủ tịch nước xin ân giảm.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Văn T để đảm bảo thi hành án.

- Buộc bị cáo Ngô Văn T, nộp 100.000.000 (một trăm triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

2- Áp dụng điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b tiểu mục 3.3 mục 3 của Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Xử phạt : Trần Thị Ngọc T 20 (hai mươi) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/8/2014.

- Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc T nộp 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

3- Áp dụng điểm c khoản 2, Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự

Hủy một phần bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm hình sự và xử lý vật chứng đối với các bị cáo: Nguyễn Đắc H, Đặng Kim Q, Vũ Trọng H, Lê Thị Thu T, Trần Hoàng N. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra lại.

4- Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Ngô Văn T phải chịu 200.000 đồng.

Các bị Đặng Kim Q, Nguyễn Đắc H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị và cấp phúc thẩm không xem xét các phần quyết định này.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 27/12/2017

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Ba

Huỳnh Sáng

Nguyễn Văn Hùng

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- TTG Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- TTG Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- (để tổng đạt cho các bị cáo);
- Lưu: VP, HS, 20bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hùng